CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

Hóa chất Vệ sinh Văn phòng & Công nghiệp (3M, Klenco, Ecolab, Kärcher, Goodmaid PRO)

Danh mục 11 hóa chất vệ sinh chuyên dụng đang vận hành thực tế tại SONGANHHYG, kèm ảnh bao bì, nhãn gốc thực tế, Phiếu An toàn Hóa chất SDS, TDS và tình trạng phê duyệt nội bộ.

Địa chỉ: K57/10 Giang Văn Minh, Hòa Thuận Tây, Hải Châu, Đà Nẵng · Hotline: 0905 751 566 · Phụ trách phê duyệt: Ms. Mỹ Anh

Nguyên tắc An toàn Pha chế & Bề mặt cho Phân mục Hóa chất Vệ sinh

Tuyệt đối không trộn lẫn hóa chất gốc kiềm (tẩy dầu mỡ / bóc sàn phủ bóng) với hóa chất gốc axit hoặc chất oxy hóa/Javel. Với đá Marble/Terrazzo/Granite mài bóng, chỉ sử dụng sản phẩm Hạng A trung tính (pH 6,5–8,0). Mọi bình xịt cầm tay phải gắn vòi định lượng hoặc pha từ bộ định lượng trung tâm và dán nhãn thứ cấp nhận diện GHS.

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn

Mã số: SAH-APR-CHM-01

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Vệ sinh / Tạp vụ đã qua đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-01 | 3M · Mỹ (3M Commercial Solutions Division, St. Paul, MN)

Mã màu / Khu vực: ◆ Xanh lá — Sàn/Inox

3M™ Neutral Cleaner Concentrate (3H)

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Ethoxylated C9-11 Alcohols (3 - 7%), Alcohols C12-14 Ethoxylated Propoxylated (3 - 7%), Surfactant NJTSRN 04499600-6632 (0.5 - 1.5%), Fragrance (0.1 - 1.0%); Water (60 - 90%)** · CAS: 68439-46-3; 68439-51-0; 7732-18-5
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **6.0 - 7.0 (Trung tính; < 1% VOC < 70 g/L)** · **Warning (Cảnh báo)** Serious Eye Damage/Irritation Category 2A (H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng); Green Seal™ GS-37 Certified
Quy cách đóng gói	Can đậm đặc 2 Lít (0.528 US Gal, mã 3H nắp xám, 3M ID 70-0716-5855-6 / 7012593225, UPC 00-48011-20200-1), thùng 6 can
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**1:396 (≈ 2.5 mL/Lít nước lạnh qua vòi 3M™ Twist 'n Fill™; 1 can 2L pha được ~783 Lít / 207 gallon dung dịch sử dụng)** · *Đầu pha tự động khép kín 3M™ Twist 'n Fill™ Dispenser (cổ khóa mã 3H, nắp xám)*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Sàn đá cẩm thạch (Marble), đá mài (Terrazzo), gạch men/ceramic, sàn nhựa vinyl (VCT/sheet vinyl), linoleum, sàn gỗ đã phủ bóng, bề mặt cứng chịu nước
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**Thảm dệt hút nước sâu; bề mặt gỗ thô chưa sơn phủ bảo vệ; tránh trộn với chất oxy hóa mạnh (Sodium hypochlorite / Chlorine)**
PPE & Thời gian cách ly	Thao tác can đậm đặc: Kính bảo hộ có tấm che bên. Lau sàn dung dịch pha loãng 1:396: Găng tay cao su/nitrile vệ sinh tiêu chuẩn, giày chống trượt · Cách ly: 0 phút (Công thức No-rinse không cần xả nước; chờ khô tự nhiên 3 - 5 phút trước khi mở lưu thông)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa ngay với thật nhiều nước sạch, tháo kính áp tròng nếu dễ thực hiện, đưa đi khám y tế. Da: Rửa xà phòng & nước. Nuốt phải: Súc miệng, khám bác sĩ nếu khó chịu. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất / NPP ủy quyền (3M Document Group 28-7258-8 Rev 5.00) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Hồ sơ sản phẩm 3M Commercial Solutions & nhãn chai Twist 'n Fill 3H **Ghi chú:** Can đậm đặc 2L chỉ chiết qua đầu Twist 'n Fill 3H, không rót tay trực tiếp.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn (Kiểm soát PCCC bình khí dung < 50°C)

Mã số: SAH-APR-CHM-02

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Vệ sinh / Kỹ thuật bảo trì đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-02 | 3M · Mỹ / Úc (3M Commercial Solutions Division, NSF A7 #126080)

Mã màu / Khu vực: ◆ Xanh lá — Sàn/Inox

3M™ Stainless Steel Cleaner & Polish

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**White mineral oil petroleum (10 - 30%), Isobutane (chất đẩy 7 - 13%), Sorbitan oleate (0.5 - 1.5%), 2-Aminoethanol / Ethanolamine (0.1 - 1.0%); Water (40 - 70%)** · CAS: 8042-47-5; 75-28-5; 1338-43-8; 141-43-5; 7732-18-5
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **9.0 - 11.0 (Nhũ tương lỏng đóng bình khí dung, tỷ trọng 0.95 g/mL)** · **Danger (Nguy hiểm)** Flammable Aerosol Cat 1 (H222), Gas Under Pressure Liquefied Gas (H280), STOT SE Cat 1 cardiovascular system (H370)
Quy cách đóng gói	Bình xịt khí dung 600 g / 21 oz (Item #14002 / ID 61-5000-6132-2) hoặc 10 oz (Item #59158CC)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**Dùng trực tiếp nguyên chất (RTU Aerosol Foam — lắc kỹ bình, xịt bọt trắng lên bề mặt hoặc khăn Scotch-Brite™ rồi đánh bóng sạch)** · *Van xịt khí dung trực tiếp sẵn dùng (RTU); không sang chiết; lưu trữ tránh ánh nắng và nguồn nhiệt < 50°C*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Thang máy inox, tay vịn/lan can thép không gỉ, crôm (chrome), nhôm kiến trúc, nhựa laminate, men, vòi nước công cộng, thiết bị nhà hàng/thực phẩm không tiếp xúc trực tiếp thực phẩm (NSF A7)
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**Bề mặt tiếp xúc trực tiếp thực phẩm chưa rửa tráng; kính/gương soi (tạo màng dầu); mặt sàn đi lại (gây trơn trượt); TUYỆT ĐỐI tránh tia lửa/lửa trần/đâm thủng bình**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ chống văng bắn, găng tay Nitrile khi tiếp xúc kéo dài; thông gió tốt tại khu vực kín (buồng thang máy) tránh hít khí đẩy Isobutane · Cách ly: 0 phút sau khi lau khô bóng (cấm nguồn lửa hở / hút thuốc trong khi xịt)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí ngay, gọi y tế (chú ý bác sĩ: khí đẩy có thể tăng kích thích cơ tim, hạn chế thuốc giao cảm). Mắt: Rửa nhiều nước sạch, tháo kính áp tròng. Da: Rửa xà phòng & nước.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất / NPP ủy quyền (3M Document Group 10-2819-0 qua PowerVac Australia) **TDS:** Bản PDF Tài liệu Kỹ thuật 3M gốc từ Nhà phân phối ủy quyền Class C Components (NSF A7 #126080) **Ghi chú:** Cấp chứng nhận NSF Category A7 #126080; theo SDS GHS chứa 7-13% Isobutane đẩy khí nén (Flammable Aerosol Cat 1), luôn bảo quản dưới 50°C.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn

Mã số: SAH-APR-CHM-03

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Tạp vụ / Vệ sinh kính đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-03 | Klenco · Singapore (Klenco (Singapore) Pte Ltd)

Mã màu / Khu vực: ■ Xanh dương — Kính/Đa năng

Klenco Power View (S) — Glass Cleaner

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

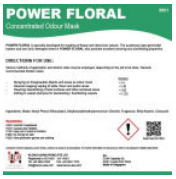
Hoạt chất & Số CAS	**Ethylene Glycol Butyl Ether (< 5.0%), Isopropyl Alcohol (< 4.5%), Nonyl Phenol Ethoxylate (< 1.0%), Aqueous Ammonia (< 0.1%), Blue Dye (< 0.01%); Water (> 70%)** · CAS: 111-76-2; 67-63-0; 26571-11-9; 1336-21-6; 7732-18-5
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **9.3 ± 0.5 (8.8 - 9.8; điểm chớp cháy T.C.C. > 55°C)** · **Warning (Cảnh báo)** Acute Toxicity Category 4, Eye Irritation Category 2 (H320: Gây kích ứng mắt)
Quy cách đóng gói	Can 5 Lít (nhựa HDPE đỏ dập nổi logo Klenco, mã 101004(S) / 10-1004)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**Lau điểm/kính thường: Nguyên chất (RTU); Lau kính diện rộng / ngoài trời nắng nóng để giảm tốc độ khô: Pha loãng 1:1 đến 1:2 với nước (330 - 500 mL/Lít)** · *Bơm định lượng nắp can 15 mL hoặc cốc chia vạch pha vào bình xịt tay khóa mã màu xanh dương*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Kính cửa sổ, gương soi, vách kính tòa nhà, tủ trưng bày, màn hình kính cứng, sứ tráng men, gạch tường bóng, bề mặt crôm/kim loại sáng
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**Bề mặt gỗ đánh vecni, sơn mài nhạy dung môi hoặc màn hình phủ chống lóa chuyên dụng; không trộn với chất oxy hóa mạnh / Chlorine**
PPE & Thời gian cách ly	Găng tay cao su/nitrile mỏng; kính bảo hộ khi chiết rót can 5L hoặc gạt kính trên cao · Cách ly: 0 phút (khô nhanh không để lại vệt hoặc cặn mờ khi gạt bằng thanh gạt cao su)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa ngay với nước mát tối thiểu 15 phút và đưa khám bác sĩ ngay. Da: Rửa nhiều xà phòng và nước. Nuốt phải: Không gây nôn, uống nước pha loãng và gọi bác sĩ. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP · TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Klenco Singapore, tách Phần II-III từ tài liệu chính thức 101004(S) ngày 01/04/2026) **TDS:** Bản PDF Thông số Kỹ thuật (Spec/TDS) gốc từ Nhà sản xuất (Klenco Singapore, Phần I tài liệu 101004(S)) **Ghi chú:** Phân hủy sinh học hoàn toàn, không chứa phosphate; tài liệu gốc Klenco Asia gộp 1 trang Spec + 2 trang SDS (đã tách chuẩn hóa).

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn

Mã số: SAH-APR-CHM-04

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Vệ sinh / Tạp vụ khu WC & Công cộng đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-04 | Klenco · Singapore (Klenco (Singapore) Pte Ltd)

Mã màu / Khu vực: ▲ Đỏ — WC/Bồn cầu

Klenco Power Floral — Concentrated Odour Mask

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Alkylbenzyldimethylammonium Chloride / QAC (< 3.0%), Nonyl Phenol Ethoxylates (< 3.0%), Fragrance (< 3.0%), Ethyl Alcohol (< 1.0%); Water (> 90%)** · CAS: 68424-85-1; 68002-97-1; 64-17-5; 7732-18-5
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **5.8 ± 0.2 (5.6 - 6.0; dung dịch đỏ hương hoa, SG 1.000 ± 0.005)** · **Warning (Cảnh báo)** Acute Toxicity Oral Category 4 (H302: Có hại nếu nuốt phải), Skin Irritation Category 2 (H315: Gây kích ứng da)
Quy cách đóng gói	Can 5 Lít (nhựa HDPE đỏ dập nổi logo Klenco, mã 102001 / 2001)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**Xịt át mùi trực tiếp: 1:4 (200 mL/L); Lau sàn/tường khu công cộng: 1:40 (25 mL/L); Vệ sinh khử mùi nhà vệ sinh/khu kín: 1:80 (12.5 mL/L); Kèm giặt thảm khử mùi: 1:120** · *Bơm định lượng 15 mL hoặc cốc chia vạch chuẩn theo 4 mức tỷ lệ 1:4 / 1:40 / 1:80 / 1:120*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Bề mặt nhà vệ sinh (WC), phòng thay đồ, khu tập kết rác, tường/sàn hành lang công cộng, sảnh trung chuyển, khử mùi thảm (tỷ lệ 1:120)
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**Bề mặt tiếp xúc trực tiếp thực phẩm chưa rửa sạch; tránh trộn cùng chất tẩy rửa anion mạnh làm mất hoạt tính diệt khuẩn QAC**
PPE & Thời gian cách ly	Găng tay cao su/PVC và quần áo bảo hộ khi pha chiết hoặc xịt nồng độ cao 1:4; kính bảo hộ khi có nguy cơ văng bắn · Cách ly: 0 - 5 phút chờ khô bề mặt (thông gió tốt khi phun sương át mùi nồng độ 1:4)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước mát tối thiểu 15 phút và khám bác sĩ. Da: Rửa nhiều xà phòng và nước. Nuốt phải: Không gây nôn, uống nước pha loãng và gọi bác sĩ ngay. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Klenco Singapore, tách Phần II-III từ tài liệu chính thức 102001 ngày 01/01/2026) **TDS:** Bản PDF Thông số Kỹ thuật (Spec/TDS) gốc từ Nhà sản xuất (Klenco Singapore, Phần I tài liệu 102001) **Ghi chú:** Kết hợp chất sát khuẩn bậc 4 (QAC) + hương hoa lưu lâu cho nhà vệ sinh, hố rác và sảnh công cộng.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng B — Phê duyệt có điều kiện (Conditional Approval)

Mã số: SAH-APR-CHM-05

Tình trạng: Phê duyệt có điều kiện (Restricted)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (06 tháng/lần (Kiểm định đặc biệt hóa chất Hạng B))

Người được cấp: Tổ trưởng / Kỹ thuật viên Vận hành Chà sàn Định kỳ có giám sát HSE

SAH-APR-CHM-05 | Klenco · Singapore (Klenco (Singapore) Pte Ltd)

Mã màu / Khu vực: ◆ Xanh lá — Sàn/Inox

Klenco Action 150 (S) — High Performance Stripper

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Ethylene Glycol Butyl Ether (< 20.0%), Ethanolamine (< 10.0%), Sodium Hydroxide (< 5.0%), Alkyl Dimethylamine Oxide (< 2.0%), Nonyl Phenol Ethoxylate (< 2.0%), Aqueous Ammonia (< 1.0%), Sodium EDTA (< 0.5%); Water (> 80%)** · CAS: 111-76-2; 141-43-5; 1310-73-2; 70592-80-2; 26571-11-9; 1336-21-6; 64-02-8; 7732-18-5
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **13.0 ± 1.0 (12.0 - 14.0 — KIỀM MẠNH bóc sáp sàn, T.C.C. > 93°C; KHÔNG phải axit tẩy cặn vôi)** · **Danger (Nguy hiểm)** Acute Toxicity Oral Cat 3 (H301: Ngộ độc nếu nuốt phải), Skin Irritation Cat 2 (H315), STOT SE Cat 3 Respiratory Irritation (H335); chứa NaOH & Amoniac
Quy cách đóng gói	Can 5 Lít (nhựa HDPE đỏ dập nổi logo Klenco, mã 101024 / 1024)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**Bóc lớp sáp/phủ bóng dày: 1:5 với nước (200 mL/L); Bóc lớp sáp thường: 1:12 với nước (83 mL/L). Thử điểm khuất trước, ngâm 5 phút rồi chà bóc & tráng sạch** · *KHÓA KHO HẠNG B: Chỉ Tổ trưởng / HSE mở khóa xuất dùng theo lệnh thi công định kỳ; pha cốc đong chuẩn có thông gió; CẤM tạp vụ sử dụng hằng ngày*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Sàn vinyl, cao su, xi măng, đá phiến, gạch men cần bóc lớp sáp/polymer cũ; trên đá Marble, Granite, Terrazzo hoặc sàn gỗ BẮT BUỘC thử điểm nhỏ (test patch) đạt chuẩn và lau tay nhẹ trên gỗ (không chạy máy chà sàn trên gỗ)
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**TUYỆT ĐỐI CẤM trộn với Chlorine / Javen (NaOCl — sinh khí độc chloramine do chứa NH4OH) hoặc Acid mạnh & chất oxy hóa; CẤM dùng hằng ngày trên Inox, nhôm chưa anod, kính hoặc bề mặt không cần bóc sáp**
PPE & Thời gian cách ly	Găng tay cao su/PVC dày chống hóa chất, kính bảo hộ kín chống bắn (goggles), ủng cao su chống trượt, tạp dề bảo hộ; bắt buộc thông gió/hút khí cục bộ · Cách ly: 15 - 30 phút cách ly toàn khu vực bóc sàn (5 phút ngâm + chà bóc + hút sạch + tráng nước trung hòa + chờ khô hẳn trước khi đi lại hoặc phủ bóng mới)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước mát tối thiểu 15 phút và cấp cứu bác sĩ ngay. Da: Rửa nhiều xà phòng và nước. Nuốt phải: Súc miệng, uống nước pha loãng nếu tỉnh táo và gọi cấp cứu y tế NGAY (Danger H301; tránh tự ý gây nôn với kiềm mạnh pH 13 chứa NaOH). Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí, cấp oxy nếu khó thở.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP · TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Klenco Singapore, tách Phần II-III từ tài liệu chính thức 101024 ngày 01/01/2026) **TDS:** Bản PDF Thông số Kỹ thuật (Spec/TDS) gốc từ Nhà sản xuất (Klenco Singapore, Phần I tài liệu 101024) **Ghi chú:** HIỆU ĐÍNH QUAN TRỌNG: Tài liệu NSX Klenco 101024 chứng minh Action 150(S) là hóa chất BÓC SÁP SÀN KIỀM CỰC MẠNH (pH 13.0 ± 1.0, NaOH + Ethanolamine + 2-BE + Aqueous Ammonia), KHÔNG phải axit tẩy cặn vôi/sứ. Giữ phê duyệt Hạng B có điều kiện: bắt buộc thử điểm trên Marble/Terrazzo, cấm dùng thường nhật trên Inox, tuyệt đối cấm trộn Chlorine/Acid.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn

Mã số: SAH-APR-CHM-06

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Tạp vụ / Vệ sinh đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-06 | Ecolab · Singapore / APAC (Ecolab Pte Ltd)

Mã màu / Khu vực: ■ Xanh dương — Kính/Đa năng

Ecolab Oasis Pro 12 Neutral All Purpose Cleaner

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Alcohols, C9-11 ethoxylated (>= 5 - < 10%) [hoặc C10-14 ethoxylated trên mã 14963], Ethylenediamine tetraacetate / Tetrasodium EDTA (>= 1 - < 5%)** · CAS: 68439-46-3; 64-02-8
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **6.5 - 8.0 (đậm đặc 100%); 7.0 - 7.5 (dung dịch pha loãng trung tính)** · **Warning (Cảnh báo) [bản đậm đặc 903729; không nguy hại sau pha]** Serious Eye Damage/Irritation Category 2 (H319 trên SDS SG 903729; dung dịch pha 0.39% - 3.03%: Không nguy hại) [Lưu ý bao bì Úc 14963 gắn nhãn Eye Dam. 1]
Quy cách đóng gói	Túi siêu đậm đặc 2 Lít hệ thống khép kín (2 x 2 L/thùng, mã SG 903729 / mã APAC 14963)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**0.39% - 3.03% qua bộ pha Ecolab Oasis Pro (4 mL/L - 30 mL/Lít nước; nhãn bao bì 14963: 4 mL/L - 32 mL/Lít)** · *Đầu nối khép kín Ecolab Oasis Pro Dispenser (khóa ngàm túi 2L chống tiếp xúc trực tiếp)*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Sàn, tường sơn, cửa, đồ nội thất, quầy bàn, thiết bị nhà tắm và đa số bề mặt cứng chịu nước không để lại màng cặn
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**TUYỆT ĐỐI chỉ pha với nước (không trộn lẫn bất kỳ hóa chất nào khác); tránh làm sũng nước sàn gỗ thô không sơn phủ**
PPE & Thời gian cách ly	Thay túi 2L: Kính bảo hộ có tấm che bên (safety glasses with side-shields). Dung dịch pha sử dụng: Găng tay vệ sinh tiêu chuẩn, không yêu cầu PPE đặc thù theo SDS · Cách ly: 0 phút (lau ướt và để khô tự nhiên hoặc lau khô)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt (đậm đặc): Rửa ngay với thật nhiều nước kể cả dưới mí mắt tối thiểu 15 phút, tháo kính áp tròng, khám bác sĩ. Da: Rửa nhiều nước. Nuốt phải: Súc miệng, khám y tế nếu có triệu chứng. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Ecolab Pte Ltd Singapore, SG-EN-903729 ngày 01/08/2020) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ SDS Ecolab SG-903729 & nhãn bao bì 2L chính hãng mã 14963 **Ghi chú:** Ghi nhận 2 biến thể bao bì APAC: mã SG 903729 (Warning H319) và mã AU/PG 14963 (Danger H318 trên đậm đặc); khi sử dụng dung dịch đã pha 4-32 mL/L đều xếp loại Không nguy hại.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn (Khóa pha qua bộ định lượng khép kín; có điểm rửa mắt khẩn cấp)

Mã số: SAH-APR-CHM-07

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Vệ sinh / Tạp vụ khu Lavabo & Diệt khuẩn đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-07 | Ecolab · EU / Global (Ecolab Europe / Gulf FZE)

Mã màu / Khu vực: ● Vàng — Lavabo

Ecolab Oasis Pro 20 Premium — Cleaner & Disinfectant

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**n-Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride (5 - 10% / 7.5 g/100g theo TDS), N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine (1 - 5% / 4.0 g/100g), C10-16 Polyglycoside (1 - 5%)** · CAS: 68424-85-1; 2372-82-9; 110615-47-9
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **9.9 - 10.9 (đậm đặc 100%); 9.2 - 9.3 (dung dịch đã pha loãng)** · **Danger (Nguy hiểm) [bản đậm đặc; không nguy hại ở dung dịch pha 1-2%]** Corrosive to Metals Cat 1 (H290), Acute Tox Inhalation Cat 3 (H331), Skin Corrosion Cat 1B (H314), Eye Damage Cat 1 (H318), STOT RE Cat 2 Kidney (H373); Dung dịch pha 1-2%: Không nguy hại
Quy cách đóng gói	Túi siêu đậm đặc 2 Lít màu tím hệ thống khép kín (2 x 2 L/thùng, mã SDS 904867-11 / pouch 9051700)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**1.0% - 2.0% (10 - 20 mL/Lít theo SDS 904867-11) đến 3.5% (35 mL/Lít theo EN 13697); Diệt khuẩn EN 1276 ở 1% (100 mL/10L) trong 5 phút; EN 13697 ở 3.5% trong 1 phút** · *Đầu nối khép kín Ecolab Oasis Pro Dispenser (khóa ngàm túi 2L, trang bị điểm rửa mắt khẩn cấp theo SAH-CHM-08)*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Lavabo/bồn rửa mặt, vòi nước, bệ vệ sinh, gạch men, tay nắm cửa, khu vực chế biến thực phẩm & thiết bị y tế (xả lại nước sạch cho bề mặt tiếp xúc thực phẩm)
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**Nhôm (Aluminium) & thép nhẹ không gỉ (Mild steel) ở dạng đậm đặc (H290 ăn mòn kim loại); TUYỆT ĐỐI KHÔNG trộn với bất kỳ hóa chất tẩy rửa/Chlorine nào khác**
PPE & Thời gian cách ly	Khi thay túi 2L đậm đặc: Găng tay Nitrile/Butyl (chống thấm 1-4h), kính bảo hộ/tấm che mặt, quần áo bảo hộ kín, thông gió hút tốt; Dung dịch pha 1-2%: găng tay vệ sinh tiêu chuẩn · Cách ly: 1 - 15 phút thời gian tiếp xúc diệt khuẩn (5 phút ở 1% EN 1276; 1 phút ở 3.5% EN 13697), sau đó lau/tráng sạch bằng nước sạch và để khô
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt (đậm đặc): Rửa ngay với thật nhiều nước (cả dưới mí) tối thiểu 15 phút, CẤP CỨU Y TẾ NGAY. Da: Cởi bỏ ngay quần áo nhiễm bẩn, xả nước/tắm ≥ 15 phút, cấp cứu ngay. Nuốt phải: Súc miệng, KHÔNG gây nôn, cấp cứu ngay. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí, cấp cứu ngay.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP · TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Ecolab PIM XM-EN-904867-11 ngày 16/06/2020) **TDS:** Bản PDF Product Data Sheet gốc của Ecolab (113143E_EU-EN qua NPP Bunzl) **Ghi chú:** Chất tẩy rửa kết hợp diệt khuẩn phổ rộng đạt chuẩn EN 1276, EN 13697, EN 1650; bảo quản 0-35°C, không chứa trong thùng kim loại thường.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn

Mã số: SAH-APR-CHM-08

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Kỹ thuật viên Giặt thảm / Vận hành máy phun hút đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-08 | Kärcher · Đức (Alfred Kärcher SE & Co. KG, Winnenden)

Mã màu / Khu vực: ◆ Xanh lá — Sàn/Inox

Kärcher CarpetPro Cleaner iCapsol RM 760 (Tablet)

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Sodium carbonate (30 - 50%), Citric acid (30 - 50%), Oxalic acid dihydrate (>= 1 - < 3%), C9-11 alcohol ethoxylate (1 - 5%), Cellulose (1 - 5%)** · CAS: 497-19-8; 77-92-9; 6153-56-6; 68439-46-3; 9004-34-6
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **8.9 (đậm đặc / dung dịch 10%: pH 8 - 9; hương trà xanh tươi mát)** · Warning (Cảnh báo) Eye Irrit. 2 (H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng), STOT SE 3 (H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp); đạt chứng nhận WoolSafe
Quy cách đóng gói	Hộp 16 viên nén tan trong nước (Part 6.295-850.0 / 6.296-079.0) hoặc Xô 200 viên (Part 6.295-851.0)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**2 viên hòa tan trong 8 Lít nước ấm (~40°C); năng suất 1 viên cho 2 - 3 m² (bẩn nặng) đến 4 - 6 m² (bẩn vừa); công nghệ iCapsol không cần xả nước lại** · *Viên nén định lượng sẵn bọc màng hòa tan tự hủy (water-soluble film) giúp bảo vệ da tay, thả trực tiếp vào bình máy phun hút Kärcher*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Tất cả các loại thảm sàn dệt và bọc nỉ/ghế sofa chịu ẩm, bao gồm cả thảm sợi len tự nhiên (WoolSafe approved)
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**Vải lụa/nhung nhạy nước hoặc dễ loang màu chưa thử góc khuất; không làm ngập sũng nước xuống nền gỗ/đế dán thảm**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ kín (EN 166) khi thả viên pha nước; găng tay vệ sinh, khẩu trang chống sương mù phun khi làm phòng kín · Cách ly: 60 - 120 phút để thảm khô hoàn toàn sau khi phun hút (lần vệ sinh kế tiếp dùng máy hút bụi khô hút cặn iCapsol đã kết tinh)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Mở mí mắt và rửa ngay dưới vòi nước chảy vài phút, tháo kính áp tròng. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí, khám bác sĩ nếu khó chịu. Nuốt phải: Súc miệng, uống nhiều nước, gặp bác sĩ nếu kéo dài.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP · TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Alfred Kärcher SE & Co. KG UK REACH Rev 7, 00113350_GB) **TDS:** Bản PDF Product Information (PI) gốc từ Nhà sản xuất (Kärcher INT, 0.011-335.0_PI_en_INT.pdf) **Ghi chú:** Không chứa chất tẩy trắng; đóng gói khóa kín nơi khô ráo, tránh ẩm.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn

Mã số: SAH-APR-CHM-09

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Vệ sinh / Vận hành máy chà sàn liên hợp đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-09 | Kärcher · Đức (Alfred Kärcher SE & Co. KG, Winnenden)

Mã màu / Khu vực: ◆ Xanh lá — Sàn/Inox

Kärcher FloorPro Multi Cleaner RM 756

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Isotridecanolethoxylate + 5 EO (>= 2.5 - < 5%), 2-(2-butoxyethoxy)ethanol (1 - 5%), Sodium p-cumenesulphonate (1 - 5%)** · CAS: 69011-36-5; 112-34-5; 15763-76-5
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **9.0 (đậm đặc; tỷ trọng 1.019 g/cm³ ở 20°C)** · Không có từ cảnh báo bắt buộc (Not Classified) Không phân loại là hỗn hợp nguy hại theo GB CLP / EC 1272/2008 (hệ hoạt chất OECD phân hủy sinh học dễ dàng)
Quy cách đóng gói	Chai 1 Lít nắp xanh (Part 6.295-913.0), Can 2.5 Lít (6.295-915.0) hoặc Can 10 Lít (6.295-914.0)
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**0.25% - 1.0% (2.5 - 10 mL/Lít nước) cho lau sàn thủ công và máy chà sàn liên hợp (1 chai 1L đạt năng suất 12.000 - 20.000 m²)** · *Cốc/bơm định lượng 10 mL chuẩn tỷ lệ 0.25% - 1% cấp vào thùng nước sạch máy chà sàn liên hợp hoặc xô lau*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Mọi loại sàn cứng và sàn đàn hồi chịu nước (gạch men, đá granite, sàn vinyl/PVC, bê tông epoxy, linoleum) và bề mặt chịu nước
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**KHÔNG sử dụng trên bề mặt nhạy nước, gỗ thô hoặc sàn ván ghép chưa phủ kín mạch (unsealed parquet/wood)**
PPE & Thời gian cách ly	Găng tay vệ sinh Nitrile/cao su thông thường; kính bảo hộ khi chiết rót can lớn 10L · Cách ly: 0 - 5 phút (công thức khô nhanh không vệt; đặt biển cảnh báo sàn ướt trong khi thao tác)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa dưới vòi nước chảy vài phút. Da: Rửa nước sạch. Nuốt phải: Súc miệng, uống nhiều nước, gặp bác sĩ nếu khó chịu. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP · TDS: Tài liệu gốc NSX/NPP **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Alfred Kärcher SE & Co. KG UK REACH Rev 7, 00111400_GB) **TDS:** Bản PDF Product Information (PI) gốc từ Nhà sản xuất (Kärcher NZ, 0.011-140.0_PI_en_NZ.pdf) **Ghi chú:** Ít bọt, thấm ướt nhanh, hạn sử dụng 4 năm trong điều kiện lưu kho chuẩn.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn (Yêu cầu kính chống bắn khi pha can đậm đặc)

Mã số: SAH-APR-CHM-10

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Tạp vụ / Vệ sinh đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-10

Goodmaid PRO · Malaysia (Goodmaid Chemicals Corp. Sdn. Bhd. — Saraya Group)

Mã màu / Khu vực: ■ Xanh dương — Kính/Đa năng

Goodmaid PRO GMP 101 Multipine

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**Sodium Lauryl Ether Sulphate (5 - 10%), Palm Kernel Diethanolamide (5 - 10%), Pine Oil (< 1%)** · CAS: 68891-38-3; 73807-15-5; 8002-09-3
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **8.0 - 9.0 (trung tính hơi kiềm nhẹ; độ nhớt 3.500 - 4.500 cps; SG 1.01)** · Danger (Nguy hiểm) Skin Corrosion/Irritation Cat 2 (H315), Serious Eye Damage Cat 1 (H318), Skin Sensitization Cat 1 (H317), Aquatic Chronic Cat 3 (H412)
Quy cách đóng gói	Can 5 Lít (4 x 5 L/thùng) hoặc Can 20 Lít (mã SX MPI(V1))
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**Bẩn nhẹ/lau hằng ngày: 1:100 (10 mL/Lít); Bẩn vừa/rửa bề mặt: 1:50 (20 mL/Lít); Bẩn nặng/cáu cặn lâu ngày: 1:20 (50 mL/Lít) theo bảng nhãn gốc Malaysia** · *Bơm định lượng 10 mL/lần ấn hoặc cốc chia vạch chuẩn mL pha vào xô/bình thứ cấp khóa mã màu*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Sàn nhà, tường sơn chịu nước, gạch men/vinyl, mặt bàn chế biến, bồn rửa, nhà bếp, nhà tắm, rãnh thoát nước khu thương mại/bệnh viện/trường học
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**KHÔNG trộn với Acid mạnh hoặc chất oxy hóa mạnh (Chlorine/Javen); không để nơi > 40°C; tránh xả tràn đậm đặc ra cống thủy sinh (H412)**
PPE & Thời gian cách ly	Bắt buộc đeo kính bảo hộ chống bắn, găng tay kháng hóa chất và quần áo bảo hộ khi pha chiết can đậm đặc 5L; đảm bảo thông gió · Cách ly: 0 - 5 phút chờ khô bề mặt (tráng lại nước sạch đối với bề mặt/dụng cụ nhà bếp)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa ngay với nước sạch nhiều phút, GỌI TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ ngay (H318). Da: Rửa nhiều xà phòng và nước, thay đồ nhiễm. Nuốt phải: Đưa đi khám y tế ngay. Hít phải: Chuyển ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Goodmaid Chemicals Corp. Sdn. Bhd. — Saraya Group, Rev 5) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Hồ sơ NSX Goodmaid (goodmaid.net / goodmaid.vn), nhãn can 5L gốc & SDS Rev 5 **Ghi chú:** Tuân thủ tỷ lệ chuẩn trên nhãn gốc nhà máy Malaysia (10/20/50 mL/L tương ứng 1:100 / 1:50 / 1:20), đã hiệu đính sai sót đánh máy trên trang npp.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng A — Phê duyệt chuẩn (Kiểm soát an toàn cháy lỏng Cat 3 / 45.5°C)

Mã số: SAH-APR-CHM-11

Tình trạng: Đã phê duyệt (Active)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX cập nhật SDS))

Người được cấp: Nhân viên Tạp vụ / Vệ sinh kính đã đào tạo SAH-CHM-08

SAH-APR-CHM-11

Goodmaid PRO · Malaysia (Goodmaid Chemicals Corp. Sdn. Bhd. — Saraya Group)

Mã màu / Khu vực: ■ Xanh dương — Kính/Đa năng

Goodmaid PRO GMP 311 Kleer Glass

Phân nhóm: Mục 1: Hóa chất vệ sinh

Hoạt chất & Số CAS	**2-Butoxyethanol (5 - 10%), Isopropyl Alcohol (5 - 10%)** · CAS: 111-76-2; 67-63-0
Độ pH & Phân loại GHS	pH: **>= 10.5 (kiềm mạnh nhẹ mùi cồn; Flash point 45.5°C; SG 1.00)** · Warning (Cảnh báo) Flammable Liquids Cat 3 (H226: Chất lỏng & hơi dễ cháy), Serious Eye Irritation Cat 2 (H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng)
Quy cách đóng gói	Can 5 Lít (nhựa HDPE xanh, 4 x 5 L/thùng) hoặc Can 20 Lít (mã SX GC301BX(V3))
Tỷ lệ pha & Khóa định lượng	**Lau kính/gương hằng ngày (bẩn nhẹ): 250 mL/Lít (1:4); Vệ sinh định kỳ (bẩn vừa): 500 mL/Lít (1:2) hoặc 1:3; Kính mặt ngoài (bẩn nặng): Nguyên chất (Neat 100%)** · *Cốc chia vạch chuẩn pha vào bình xịt tay khóa mã màu xanh dương; cách ly hoàn toàn nguồn tia lửa / ổ điện hở khi pha chiết (Flash point 45.5°C)*
Bề mặt ĐƯỢC DÙNG	Kính cửa sổ, gương soi, vách kính tòa nhà, tủ kệ kính trưng bày (dùng kết hợp thanh gạt kính cao su và khăn microfiber không xơ)
Bề mặt BỊ CẤM / Rủi ro	**KHÔNG sử dụng trên gỗ, bề mặt sơn mài, sơn vecni, mica/acrylic nhạy dung môi; tránh nguồn nhiệt > 40°C, tia lửa điện, axit mạnh và chất oxy hóa**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ, găng tay kháng hóa chất và quần áo bảo hộ khi pha chiết; thông gió đầy đủ trong phòng kín · Cách ly: 0 phút (bay hơi nhanh không vệt; nghiêm cấm hút thuốc/sinh tia lửa trong khu vực đang xịt)
Sơ cứu & Xử lý khẩn cấp	Mắt: Rửa thận trọng dưới vòi nước sạch vài phút, tháo kính áp tròng, đi khám nếu kích ứng kéo dài. Da: Cởi bỏ quần áo dính, rửa nước/vòi sen. Nuốt phải: Đưa đi khám y tế ngay. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Goodmaid Chemicals Corp. Sdn. Bhd. — Saraya Group, Rev 5) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Hồ sơ NSX Goodmaid (goodmaid.net / goodmaid.vn), nhãn can 5L gốc & SDS Rev 5 **Ghi chú:** Điểm chớp cháy 45.5°C theo SDS Rev 5 (Flammable Liquid Cat 3); cấm xịt lên gỗ/sơn mài/vecni.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)